

## VŨ TRỤ QUAN PHẬT GIÁO<sup>9</sup>

**T**rong *Āṅguttaranikāya* Đức Phật dạy:  
 “*Ayaṃ kho ānanda mahāpaṭhavī udake patitṭhitā udakaṃ vate patitṭhitam vāto ākāsattho hoti*”. Đây *Ānan-da*, quả địa cầu này được an lập trên nước, lớp nước ấy được an lập trên gió, lớp gió ấy lại nằm trên hư không”

“Địa cầu của chúng ta có chiều dày là 2 ức 4 muôn do tuần và được chia ra hai lớp: lớp đất thường (*pamsupathavī*) dày tương đương như thế. Trái đất được nằm trên một lớp nước dày 4 ức 8 muôn do tuần lớp nước này lại nằm trên một tầng gió dày 9 ức 6 muôn do tuần (960.000 do tuần) ngoài lớp gió này rồi thì là một khoảng không vô tận.

Núi Tu Di cao một ức sáu muôn tám ngàn (168.000) do tuần, phần nằm dưới biển, là 8 muôn 4 ngàn do tuần, phần còn lại từ mặt biển lên tới đỉnh cũng vậy. Còn chu vi của núi tu Di là 2 ức 5 muôn 2 ngàn (252.000) do tuần. Riêng về đỉnh núi thì có chu vi 168 ngàn do tuần, và thành phần vật chất cấu tạo núi gồm toàn 7 báu. Sườn núi phía đông của Tu Di là bằng bạc, sườn núi phía tây bằng ngọc pha lê, sườn núi phía nam bằng ngọc bích, sườn núi phía bắc bằng vàng. Tất cả những cây cối, mặt biển, bầu trời (*ākāsa*), hoa

<sup>9</sup>Ở đây người dịch cố tình dịch sát nguyên bản còn về việc nhận xét xin nhường lại cho người đọc

lá... ở trên mỗi sườn núi và chung quanh đều mang màu sắc tùy thuộc vào ánh sáng toả ra từ mỗi sườn núi. Như bầu trời, mặt biển,... Bên phía đông núi Tu Di chẳng hạn thì tự nhiên ửng màn bạc.

Từ đỉnh núi Tu Di trở xuống tới chân núi nằm sau dưới đáy biển được phân ra hai phần. Một phần từ tận cùng chân núi lên đến mặt biển. Phần thứ hai là từ mặt biển trở lên tới đỉnh. Từ phần nửa của phần hai này trở xuống tới mặt biển lại được phân ra năm bậc triển núi. Bậc thứ nhất là lãnh địa của loài rồng, bậc thứ hai là lãnh địa của loài Kim Xí Điểu, bậc thứ ba là lãnh địa của loài Cưu Bàn Trà, bậc thứ tư là lãnh địa của Dạ Xoa, bậc thứ năm là cõi Tứ Đại Thiên Vương. Năm bậc này nằm bao quanh triển núi phía dưới. Phần chân nằm dưới biển của núi Tu Di lại được ba hòn núi đỡ chịu. Như vậy chân núi Tu Di được chống lên ba hòn núi này và dĩ nhiên với cấu trúc như vậy, dưới đáy núi Tu Di có một địa đạo. Địa đạo này rộng một muôn (10.000) do tuần. Đây là trú xứ của loài A-tu-la, chỗ mà Chư Thiên Đạo Lợi đã quản họ xuống ngày xưa.

Cứ giữa hai tiểu thiên thế giới (*Cūḷalokadhātu*) có một ngọn núi, người ta gọi núi này là núi *Cakkavāḷa* (vũ trụ sơn hay Hoàn Vũ Sơn). Núi *Cakkavāḷa* cao 1 ức sáu muôn 4 ngàn (164.000) do tuần tức là thấp hơn núi Tu Di 4000 do tuần. Núi này cũng được chia thành hai phần, một nửa chìm sâu dưới biển, và một nửa nằm từ mặt biển vươn lên không. Tổng chu vi của núi *Cakkavāḷa* là bốn triệu tám trăm năm mươi ba ngàn tám trăm (4.853.000) do tuần.

Phần chu vi của đỉnh núi là ba triệu sáu ức một muôn ba trăm năm mươi do tuần (3.610.350) do tuần.

Chung quanh núi Tu Di (*sinera*) có bảy lớp vi sơn bao bọc, lớp thứ nhất tên là *Yugandhara* cao tám muôn bốn ngàn do tuần. Lớp thứ hai tên là *Isadhara* cao bốn muôn hai ngàn do tuần. Lớp thứ tư tên là *sudassana* cao một muôn năm trăm do tuần. Lớp thứ năm tên *Nemindhara* cao năm ngàn hai trăm năm mươi do tuần. Lớp thứ sáu tên *Vinataka* cao hai ngàn sáu trăm hai mươi lăm do tuần. Lớp thứ bảy tên *Assakaṇṇa* cao một ngàn ba trăm mười hai do tuần hai *gāvuta* (1312.5 do tuần). Khoảng cách giữa các lớp vi sơn, bề dày của từng lớp vi sơn, độ sâu của các vùng biển, nằm giữa bảy lớp vi sơn đều bằng một nửa chiều cao. Của từng lớp núi. Tức là khoảng cách giữa lớp vi sơn. *Yugandhara* và vi sơn *Isadhara* là bốn muôn hai ngàn do tuần; bề dày của vi sơn cũng bốn muôn hai ngàn do tuần; vùng biển nằm giữa hai lớp vi sơn *Yugandhara* và *Isadhara* có độ sâu là bốn muôn hai ngàn do tuần. Đối với sáu lớp vi sơn còn lại cứ theo đó mà tính.

Núi Tu Di và Vi Sơn. *Yugandhara* cách nhau 8 muôn 4 ngàn do tuần, độ sâu của vùng biển nằm giữa Tu Di với Vi Sơn *Yugandhara* cũng là tám muôn bốn ngàn do tuần.

Hai đại sơn: Tu Di và Hoàn Vũ Sơn (*Cakkavāḷa*) cách nhau bốn ức bảy muôn, bảy ngàn, bảy trăm năm hai mươi lăm (477725) do tuần. Núi *Cakkavāḷa* cách Vi Sơn *Assakaṇṇa* ba ức chín ngàn sáu trăm chín mươi ba (309.693) do tuần. Và cách sáu Vi Sơn còn lại là ba phần tư con số trên Bồ đề đạo tràng (*Bodhimāṇḍala* Ấn Độ) với

núi *Cakkavāla* (hướng nam Châu Nam Thiện) cách nhau một ức bốn ngàn bảy trăm năm mươi lăm (104.755) do tuần. Bồ đề đạo tràng với núi Tu Di cách nhau ba ức bảy muôn hai ngàn chín trăm bảy mươi (372.070) do tuần. Bồ đề đạo tràng Vi Sơn *Assakaṇṇa* cách nhau một ức, hai muôn hai ngàn chín trăm ba mươi tám. (122.938) do tuần. Bồ đề đạo tràng và sáu lớp Vi Sơn còn lại cách nhau bằng ba phần từ con số trên.

Trong vũ trụ này có hai loại biển: *Antosamudda* và *Bahisamudda*. *Antosamudda* hay nội hải, là chỉ cho các vùng biển nằm trong khoảng giữa của bảy lớp Vi Sơn. Biển này còn có tên là biển *Sīdantara*. Còn *Bahisamudda* ngoại hải là vùng biển nằm giữa núi *Cakkavāla* và Vi Sơn *assakaṇṇa*. Vi Sơn *assakaṇṇa* với núi Tu Di cách nhau hai ức bốn muôn chín ngàn ba trăm bảy mươi lăm (249.375) do tuần.

Vùng đại hải nằm giữa Nam Thiện Bộ Châu với Tây Ngưu Xa Châu, giữa Tây Ngưu Xa Châu với Bắc Cưu Lưu châu, giữa Bắc Cưu Lưu Châu với Đông Thắng Thần Châu, giữa Đông Thắng Thần Châu với Nam Thiện Bộ Châu đều có chiều rộng là sáu ức một muôn ba ngàn chín trăm năm mươi (613.950) do tuần. Trong các vùng đại hải có ba loại sóng:

1- Loại sóng *Mahida*: mỗi lượn sóng loại này cao 60 do tuần.

2- Loại sóng *Gaṅgā*: mỗi lượn sóng loại này cao 50 do tuần

3- Loại sóng *Rohiṇī*: mỗi lượn sóng loại này cao 40 do tuần

Trong bộ *Sammohavinodanī-atthakathā* đã nói rõ điều đó:

“*Mahāsamudde kira mahindavīci nāma satṭhiyojanāni uggacchati gaṅgāvīci nāma paṇṇāsaṃ, rohiṇīvīci nāma cattālīsayojanāni uggacchati*”

Gọi là đại châu tức Đức Phật ám chỉ cho các đại lục, những phần đất lớn liền lạc nhau không bị biển chia cắt. Các đại lục được chính thức mang tên. Nam Thiện Bộ Châu là Châu Á, Châu Âu, Châu Phi, còn 500 tiểu châu, phụ thuộc của châu Nam Thiện, gọi theo bây giờ là Nam mỹ, Bắc Mỹ, Anh Quốc, Úc Châu, Tích Lan, Nhật Bản...

Những quốc gia nằm trong 500 tiểu châu ấy vào thời kỳ sơ kiếp vừa hoang vu, vừa nhỏ bé chớ không được đông đảo, phồn thịnh, bao la như bây giờ

Nói về mặt trời (trú xứ của thiên tử *Suriya*), mặt trăng (trú xứ của thiên tử *Candima*), thì luôn xoay quanh đại Sơn Tu Di, di chuyển ngay phía trên đỉnh núi *Yugandhara*, cách xa cõi người bốn muôn hai ngàn do tuần. Mặt trời, mặt trăng cùng các tinh tú sở dĩ đều di chuyển chung quanh núi Tu Di là do sức tác động của một thứ hấp lực mà gọi theo tên *Pāli* là “lực gió *Verambha*”. Lực hút này ở mặt trời mạnh hơn ở mặt trăng.

Nói về địa ngục thì trong bộ *Sāratthadīpanītikā* ghi rằng tám đại địa ngục đều nằm ngay bên dưới các đại lục chính thức mang tên châu Nam Thiện và đều nằm trong lớp đất thường (*Pamsupathavī*). Mỗi đại địa ngục có 5



## BIỆT GIẢI SÁU CỖI DỤC THIÊN (THEO ATTHAKATHĀ ṬĪKĀ)

**P***añcahi kāmagaṇehi dibbanti kīlantīti devā*  
Thần tiên hay thiên nhân là những người có đời sống hưởng thụ các khoái lạc dục trần. Có tất cả ba hạng thần tiên (hay thiên nhân)

1. *Sammutideva*: những ông hoàng, bà chúa hoặc các vương tôn, quân chúa cũng được xem là một hạng thần tiên.
2. *Uppattideva*: tất cả chư thiên và phạm thiên (nói chung là loài hoá sanh thiện thú)
3. *Visuddhideva*: Chư thánh quả.

Câu giải tự trên đây được dành cho Chư Thiên trong sáu cõi trời dục giới: cõi Tứ Thiên Vương, cõi Đạo lợi, cõi Dạ-Ma, cõi Đâu Xuất, cõi Hóa lạc và cõi Tha Hoá Tự Tại Thiên. Bây giờ giải về cõi Tứ Thiên Vương.

*Cattāra mahārājāno = catummahārājā* gọi là Tứ Thiên Vương tức ám chỉ cho bốn vị trời cai trị thiên chúng ở cõi trời thứ nhất, nằm ở phần giữa của Tu Di sơn, ngang ngọn vi sơn *Yugandhara*.

1. Thiên Vương *Dhātaraṭṭha*: cai quản loài Càn Thát Bà, đóng đô ở triền núi phía đông của Tu Di sơn
2. Thiên Vương *Virūhaka*: vua của loài Cưu Bàn Trà (đại phúc thiên) đóng đô ở triền núi phía nam của Tu Di sơn.

3. Thiên Vương *Virūpakkha*: chúa loài rồng, đóng đô ở triền núi phía tây. Tu Di sơn.

4. Thiên Vương *Kuvera*: chúa loài Dạ xoa đóng đô ở triền núi phía bắc núi Tu Di

Trong *Mahāvaggasutanta* có ghi:

*Purimaṃ disaṃ dhatarattho*

*Dakkhiṇena virūhako*

*Pacchimena virūpakkho*

*Kuvero uttaraṃ disaṃ*

*Cattāro te mahārājā*

*Samantā caturo disā!*

Bộ *Paramatthadiipanīmahāṭikā* còn nói rõ thêm: *Tattha dhatarattho gandhabbānaṃ rājā hoti virūhānaṃ virūpakkho nāgānaṃ kuvero yakkhānaṃ.*

(Hai câu *Pāli* vừa dẫn chứng trên đây đã xác nhận những gì vừa trình bày)

Cả bốn vị Thiên Vương ấy còn có bốn phận trông coi, bảo vệ cõi nhân loại nên các vị còn được gọi là bốn vị hộ thế Đại Vương (*Catulokapāla*), như trong bộ *Netti atthakathā* cũng định nghĩa danh xưng của các vị theo lý do đó:

*“Lokaṃ pālentīti lokapālā cattāro mahārājāno”* ngoài những tên riêng theo danh từ chuyên môn đã nêu này giờ, bốn vị thiên vương đó còn được gọi bằng bốn mỹ danh khác: *Inda, varuṇa, kuvera, yama*, điều này y cứ vào bộ *Netti-atthakathā*

- *Lokiyā pana indayamavarūṇakuverā lokapālāti vadanti!*

Còn các vị trời ở cõi Tứ Thiên Vương nếu gọi theo từ *Pāli* thì là *Cātummahārājika* bởi vì họ là những người có bốn phận cung đón, phụng dưỡng bốn vị Thiên Vương. Giải như vậy là y cứ theo câu giải tự sau đây:

*“Catūsu mahārājesu bhatti etesanti cātummahārājikā”*. Hay nói cách khác, Chư Thiên ở cõi này được gọi là *Cātummahārāje bhavāti cātummahārājikā* chư thiên ở cõi Tứ Thiên Vương được gọi là *Cātummahārājika* vì họ được sanh ra trong lãnh địa của 4 vị Thiên vương”

Như đã nói, cõi Tứ Thiên Vương hay lãnh địa của bốn vị vua trời là kể từ ngay giữa lưng chừng núi Tu Di, tức ngang đỉnh vì sơn *Yugandhara*, xuống tới cõi người. Và cả một bầu không gian từ đỉnh *Yugandhara* trở xuống 6 lớp vì sơn phía dưới, luôn cả các vùng đại hải đều là lãnh địa của bốn vị thiên vương. Về điều này các Ngài đã giải tự như sau: *“cātummahārājikānaṃ nivāsāti cātummahārājikā”*

Chư Thiên dưới quyền bốn thiên vương gồm có nhiều hạng:

1. *Pabbataṭṭhadevatā*: sơn thần, hạng sống trên núi
2. *Ākāsaṭṭhadevatā*: chư thiên sống trong hư không

Ta nên biết thêm là cả một phần không gian của vũ trụ (*cakkavāḷa*) này, từ đỉnh *Yugandhara* trở xuống đều thuộc cõi Tứ Thiên Vương.

3. *Khiḍḍāpadosikadevatā*: một hạng thiên nhân thường mệnh chung do mãi lo vui chơi mà quên ăn.

4. *Manopadosikadevatā*: một hạng Chư Thiên chỉ cần nổi giận là mệnh chung.

5. *Sitavalāhakadevatā*: hàn tiết thiên, hạng thiên nhân chuyên làm khí trời trở nên lạnh lẽo hay mát mẻ.

6. *Uñhavalāhakadevatā*: nhiệt tiết thiên, hạng thiên nhân chuyên làm cho khí trời trở nên ấm áp hay nóng bức.

7. *Candimadevaputtadevatā*: vị thiên tử sống trong mặt trăng và thiên chúng tùy tùng.

8. *Suriyadevaputtadevatā*: vị thiên tử sống trong mặt trời cùng thiên chúng tùy tùng.

Những điều trên đây là dựa theo bộ *sammohavino-danīatthakathā*:

*Cātumahārājikā nāma sinerupabbatassa vemajjhe honti pabbataṭṭhāpi ākāsaṭṭhāpi tesamparamparācakkavāla pabbataṃ pattā khiddāpadosikā manopadosikā sīta-valāhaka uñhavalāhaka candimadevaputto suriyadevaputtoṭṭi ete sabbepi cātumahārājikadevalokaṭṭhakā eva.*

• Tứ thiên vương có ba nhóm thiên nhân:

1. *Bhummaṭṭhadevatā*: các vị thiên thần sống trên mặt đất (địa cư thiên)

2. *Rukkhaṭṭhadevatā*: các vị thiên thần sống trên cây (Thọ cư thiên)

3. *Ākāsaṭṭhadevatā*: các vị thiên thần sống trong hư không (không cư thiên)

Nhóm Địa cư thiên là những vị trời sống tại các núi non, sông ngòi, nhà cửa, đền tháp, đình miếu thậm chí trong lòng đất hay dưới đại dương. Bốn vị thiên vương và một số thiên nhân khác tuy cũng thuộc nhóm Địa cư thiên không có lâu đài riêng ở Tu Di thì sẽ sống tại núi non,

sông ngòi... nào thì xem chỗ ấy như một cung điện hay lâu đài riêng của mình.

Nhóm Thọ cư thiên lại được phân ra hai hạng nữa: một số vị có cung điện riêng trên cây, một số vị cũng ở trên cây nhưng không có cung điện riêng.

Trong *Sāratthadīpanītikā* đã ghi như thế:

*“Rukkhadibbavimāneti ca sākaṭṭhavimānaṃ sandhāya vuttaṃ rukkhassa upari nibbattaṃ hi vimānarakkhipaṭi-bandhitā rukkhassa upari nibbattaṃ hi vimānarukkha-ṭṭhibandhitā rukkhavimānanti vuccati sākaṭṭhakavimānaṃ pana sabbasākasannissitaṃ hutvā tiṭṭhati!”*

Nói về nhóm không Cư Thiên thì các vị này đều có cung điện riêng cả. Như Chư Thiên trong các tinh tú hay trong mặt trăng, mặt trời chẳng hạn. Lâu đài của họ được cấu tạo toàn bằng vật liệu quý giá, có khi bằng vàng, bằng bạc, hay bằng các thứ bảo châu xinh đẹp, tùy theo phước báu của mỗi người và các toà cung điện đó, luôn di chuyển chung quanh núi Tu Di.

Có nhiều tài liệu nói rằng Chư thiên cõi Tứ Thiên Vương chỉ có hai nhóm thôi, tức là nhóm Địa cư thiên và không cư thiên, còn các vị trời sống trên cây cối thì được kể vào chung với nhóm Địa cư thiên. Sau đây là những câu trích dẫn từ các bộ chú giải và phụ số giải

\* *Dhammapadatthakathā* → *bhūmi tala rukkhagacchapabbatādīsū bhummaṭṭha devatā!*

\* *Buddhavaṃsa* – *atthakathā bhūmāti bhūmaṭṭha-pāsāṇapabbatavarukkhādīsū ṭhitā!*

Tiếng *Bhūma* trên đây nghĩa là Địa cư thiên

\* *Sagāthāvaggasamyuttatthakathā bhūmāti bhūmavāsino*  
 \* *Sagāthāvaggasamyuttaṭṭhā → bhūmavāsino bhū-*  
*mipaṭiladdhavutino etena rukkhapabbatanivāsino pi gahitā*  
*honti!*



## BIỆT GIẢI VỀ CÁC Á THIÊN TRONG CỘI TỬ THIÊN VƯƠNG

**Ở** cõi Tử Thiên Vương có bốn nhóm sau đây được xem như những hạng Á thần hay Á thiên, tính tình của họ rất hung bạo, thô lỗ. Nếu nói về khía cạnh sanh chủng thì hầu hết các Á thiên này đều thuộc giới hạ đẳng. Bốn nhóm Á thiên hay Á thần, đó là gì?

1. *Yakkho yakkhinī*: tất cả các dạ xoa. Loài này lại được chia ra hai hạng:

- Một hạng thì có dung sắc thù thắng, chói sáng hạng này có tên là *devayakkha* (thiên thần dạ xoa)
- Hạng thứ hai là loài dạ xoa có hình dung hung tợn, xấu xí, được xếp vào *Tiracchānayakkha* (bàng sanh dạ xoa), không có hào quang như hạng trên.
- Hạng thiên thần dạ xoa trên đây là một dạng quý sứ, khi nào muốn làm việc hành hạ chúng sanh thì hoá hiện thành quý sứ rồi đi xuống địa ngục trừng trị tội nhân dưới đó. Khi nào muốn ăn thịt họ thì lại biến thành những con quạ, hay con chó không lồ để rượt bắt mà ăn. Hạng thiên thần dạ xoa (*devayakkha*) nằm dưới quyền cai quản của thiên vương *Kuvera* (tức *vessuvara*)

2. *Gandhabbo gandhabbī*: loài Càn Thát Bà. Là hạng chúng sanh sống dựa vào những cây cối có mùi hương, đời sống của họ gắn liền với cội cây mà họ đã cư ngụ buổi

đầu, cho dầu cội cây ấy có bị đốn đem về để sử dụng vào chuyện gì đó như cất nhà hay làm vật dụng thì họ cũng đi theo khúc gỗ ấy, chớ không chịu bỏ đi. Khúc gỗ ấy được làm thành cái gì thì vị Càn Thất Bà trú ngụ trong cái ấy rồi hiện hình ra cho người chủ vật đó thấy hoặc xui khiến cho họ bị tai ương, hoạn nạn như đau bệnh chẳng hạn, thậm chí có thể làm cho người chủ ngôi nhà (nếu cây được làm nhà) hay chủ của món đồ bằng gỗ đó bị phá sản, sạt nghiệp. Để giải thích điều này, các ngài có ghi một câu giải tự sau đây:

*Paṭisandhivasena gandharakkhesu appenti upagacchanṭī ganathabbā* (Càn Thất Bà là hạng chúng sanh trực tiếp tái tục vào những cây hương mộc và luôn nương gá theo đó)

Có tất cả mười loài Càn Thất Bà hay Hương mộc thân, các vị này còn được gọi là *Kaṭṭhayakkha* (mộc dạ xoa)

1. *Mūlagandhabba*: hạng Càn Thất Bà cư trú trong rễ cây
2. *Sāragandhabba*: hạng Càn Thất Bà cư trú trong lõi cây.
3. *Pheggugandhabba*: hạng Càn Thất Bà cư trú trong dác cây.
4. *Tacagandhabba*: hạng Càn Thất Bà cư trú trong da cây
5. *Papaṭikāgandhabba*: hạng Càn Thất Bà cư trú trong lớp vỏ ngoài của thân cây.
6. *Rasagandhabba*: hạng Càn Thất Bà sống dựa vào phần nhựa thơm của cây.
7. *Paṇṇagandhabba*: hạng Càn Thất Bà sống trong lá cây
8. *Pupphagandhabba*: hạng Càn Thất Bà sống trong bông hoa

9. *Phalagandhabba*: hạng Càn Thất Bà sống trong trái cây
10. *Kandagandhabba*: hạng Càn Thất Bà sống trong các loại củ dưới đất.

Loài Càn Thất Bà khác với hạng Thọ cư thiên (*Rukkhaṭṭhadevatā* loài thiên nhân sống trên cây) ở chỗ là tuy cả hai đều sống trên cây nhưng khi cội cây trú xứ bị đốn thì các Thọ cư thiên bỏ đi qua cây khác, còn Càn Thất Bà thì cứ đi theo phần gỗ của cội cây mà mình đã nương gá từ trước đến giờ, cho dầu nó đã được dùng vào chuyện gì đi nữa.

Điều cần nhớ là có một số Càn Thất Bà kiếp trước là phụ nữ thất đức, không tạo phước, nên nay phải sống dựa vào thân thể người khác mà thường thì họ thích dựa phụ nữ hơn, tức là họ trực tiếp tái sanh vào thân thể phụ nữ nào đó rồi sống luôn ở đấy. Danh từ *sanskrit* trong *Veda* gọi loại Càn Thất Bà này là *Yoginī*. Và các Ngài cũng dùng từ *Yoginī* để gọi cho đương sự bị họ dựa, thay vì gọi theo dân gian là người bị quỷ ám, hay bị ma làm. Có hai trường hợp bị “dựa” như thế: trường hợp thứ nhất là bị các Càn Thất Bà ấy nương gá từ lúc còn trong bụng mẹ, trường hợp thứ hai là khi đã trưởng thành mới bị họ dựa. Người bị dựa có thể sai khiến Càn Thất Bà ấy khuấy phá, phiền nhiễu người nào mình cảm thấy ghét, nhưng phải có cơ hội thích hợp chớ không phải muốn hại ai lúc nào cũng được.

Nói về nếp sinh hoạt trong đời sống bình nhật của đương sự bị “dựa” thì cũng giống như mọi người nhưng cứ đến ngày trăng tròn thì do uy lực của vị Càn Thất Bà ấy, từ thân thể đương sự toả ra ánh sáng, vào lúc ban đêm thôi.

Rồi giữa khuya khoắt như vậy, đương sự tự nhiên rời nhà đi tìm vật thực để ăn vào, đó là do sự xui khiến của Càn Thát Bà ấy. Hạng Càn Thát Bà có khả năng phát sáng này có tên gọi theo Pāli là *Junhā* (Càn Thát Bà *Junhā* là hạng Càn Thát Bà có khả năng làm cho toả hào quang). Vậy hạng Càn Thát Bà này có hai tên gọi: *Yoginī* hay *Junhā*. Và đây là hạng Càn Thát Bà nào đi nữa, tất cả đều nằm dưới quyền cai trị của Thiên vương *phatarattha*

3. *Kumbhaṇḍokumbhaṇḍī*: loài Curu Bàn Trà hay còn gọi là La Sát (*Rakkhasa*), một hạng ác thần, bụng to, mắt lồi và tròng mắt đỏ hoặc loài này chỉ ở một trong hai chỗ: cõi người và địa ngục. Nhưng La Sát ở cõi người thì có bổn phận bảo vệ giữ giữ các núi non, rừng rậm, ao hồ, sông ngòi, báo châu, đền tháp cùng các loại cây có hoa thơm cũng như các loại hương mộc. Nói chung là các La Sát ấy có nhiệm vụ trông coi những gì mà Chư Thiên Vương muốn bảo tồn, chẳng hạn như ngọn núi *Vepulla* ở thành *Rājagaha* cũng được La Sát canh giữ cẩn mật vì dưới đáy núi có một viên ngọc *Maṇi* cực quý, hay như cây xoài *Abbhantata* cũng vậy. Những ai đi vào các khu vực có La Sát canh giữ thì chúng có quyền bắt họ để ăn thịt mà không sợ các thiên vương quở phạt. Các Ngài đã giải thích về loài La Sát như sau:

“*Ratanādīni rakkhitvā asanti bhakkhantīti rakkhasā*”

(La Sát là những vị ác thần sẵn sàng ăn thịt người nào dám đến xâm phạm các bảo vật và địa điểm linh thiêng mà họ có nhiệm vụ canh giữ, trông coi)

Nói về hạng Curu Bàn Trà dưới địa ngục thì đó là các quỷ sứ hay những La Sát mang hình dạng kên kên, chim quạ, chó dữ có nhiệm vụ trừng trị tội nhân và bắt họ để ăn thịt vậy quỷ sứ và các thú dữ, ở địa ngục đều là một trong các hạng ác thần: Dạ Xoa,.....hoá hiện ra. Tất cả Curu Bàn Trà (hay La Sát) vừa kể đều nằm dưới quyền Thiên Vương *Virūhaka*.

4. *Nāgo – nāgī*: loài rồng. Nói rộng thì có hai chủng loại: giống rồng *Vasundhara* và giống rồng *Bhummadeva*. Trú xứ của chúng có thể là trong lòng đất hay dưới đáy núi cho nên chúng còn được gọi là *Pathavīdeva*. Vì sống dưới lòng đất sâu nên đôi khi vì đùa giỡn với nhau, chúng có thể làm cho mặt đất rung chuyển. Loài rồng cũng rất thích đi chơi trên mặt đất và trong những lần như thế chúng thường hoá ra hình dáng sư tử, cọp, chó, nhưng có lúc vẫn giữ nguyên thân tướng của loài rồng. Cũng như loài Dạ Xoa và La Sát, loài rồng đôi khi cũng thích thú trong việc hành hạ chúng sanh và để thoả mãn dã tính của mình, chúng cũng đi xuống địa ngục hoá thành quỷ sứ hay chó dữ, kên kên để hành hạ và ăn thịt tội nhân.

Các ác thần trên đây của cõi Tứ Thiên Vương chẳng những thích làm khổ những sanh chúng hữu tình khác mà lại còn thích thú trong cả việc xung sát, đấu đá với đồng loại.

Cho nên bốn vị Thiên Vương phải đóng vai trò lãnh đạo, cai quản họ, không cho họ sống phóng túng và gây hại đến người khác. Các Ngài nói rằng: Khi ở cõi người có xảy ra một đại nạn, một tai biến nào đó mà người ta biết

tương niệm vọng bái đến Tứ vị Thiên Vương thì cũng có thể tìm được sự bình an. Vì vậy trong *Petavatthu* có ghi như sau:

*Cattāro camahārāje*

*Lokapāle yasassine*

*Kuveraṃ dhataratthañca*

*Virūpakkaṃ virulhakaṃ*

*Te cevapūjitā honti*

*Dāyakā ca anipphalā*

(đại ý: khi bốn vị hộ thế Thiên Vương được ai cúng bái rồi thì chắc chắn người đó cũng nhận lại được sự giúp đỡ, hộ trì)

Muốn tìm hiểu rộng rãi về thiên chúng cõi Tứ Thiên Vương hãy nghiên cứu trong các bộ *Abhidhamma-atthakathā*, *dīghanikāya-atthakathā*, *jātakattakathā* và luôn cả *Veda*.

## GIẢI VỀ CỖ ĐẠO LỢI (TAVATIṂSA)

**N***ettimsajanā nibbattanti etthāti tettimsā  
tettimsā eva niruttinayena tāvatimsā!*

Cõi trời thứ hai của Dục giới được gọi là cõi Đạo Lợi hay Tam thập Tam thiên, nếu dịch nôm na là cõi có 33 vị đại thiên thần nắm quyền điều hành. Sở dĩ gọi như vậy là vì dựa vào một lý do mà sau đây sẽ kể rõ:

Ngày xưa, có ngôi làng nọ tên là *Macalagāma*. Trong làng có một nhóm thanh niên gồm 33 người chuyên làm công tác từ thiện. Người cầm đầu là một thanh niên tên là *Māgha*. Chàng và 32 người bạn của mình luôn luôn tìm làm tất cả những việc gì mang ý nghĩa công ích. Họ không từ nan, thối thác trong bất cứ việc gì, khả dĩ đem lại lợi ích cho mọi người và điều đặc biệt là cả 33 người đều luôn có mặt trong những dịp như thế nên quần chúng gọi là nhóm công đức (*Sahapuññakārīgaṇa*). Những đóng góp nổi bật nhất của nhóm thanh niên này đối với xóm làng là đào ao, đắp đường, làm cầu, cắt thí đường, trồng cây...nên sau khi mệnh chung, cả 33 người đều sanh lên thiên giới.

Trong số đó, thanh niên *Māgha* bấy giờ trở thành thiên chủ *Sakka*, cai quản tất cả thiên chúng, còn 32 người kia thì đều là những đại thiên tử có nhiều uy lực. Kể từ ngày ấy, cõi trời này được gọi là cõi Tam thập Tam Thiên (tàu âm là Đạo Lợi) cõi trời của 33 vị thiên thần.

Đúng ra số 33 theo *Pāli* phải là *tetṭimsa* nhưng sở dĩ ở đây nó lại biến dạng thành *Tāvatiṃsa* là do cấu trúc ngữ pháp như sau: trước hết đổi “te” ra “tāva”, xoá bớt một chữ “t”, còn “*ṭimsa*” thì vẫn giữ nguyên; vậy ta đã có được tiếng *Tāvatiṃsa*. Hoặc phân tích theo cách khác thì trước hết đổi chữ “Te” (trong *Tetṭimsa*) ra “Tā” rồi biến chữ “T” thứ hai ra “va”, *ṭimsa* vẫn giữ nguyên cộng tất cả lại, lập tức tiếng *Tāvatiṃsa* được hình thành.

Ở vũ trụ (*Cakkavāḷa*) khác cũng có cõi trời Dục giới thứ hai như ở vũ trụ này và cõi đó cũng mang tên là *Tāvatiṃsa*, nhưng đó là một tên gọi vay mượn (*ruḥḥisaññā*) xuất phát từ vũ trụ này.

Và ngoài cách giải thích trên về tiếng *Tāvatiṃsa* các Ngài còn phân tích theo một cách khác nữa.

- *Tāva paṭhamam ṭimsati pātubhavaṭṭi tāvatimso* (gọi là *tāvatiṃsa* vì đây là khu vực được hình thành sớm nhất trong thế gian).

Sở dĩ nói như vậy là vì sau khi một thế giới bị tiêu hoại thì vị trí của nó bây giờ nhường lại cho một khoảng hư không bao la rồi có một trận mưa thật lớn đổ xuống nước lấp đầy vào khoảng hư không ấy và lơ lửng ở đây. Lúc đầu thì vũng nước mưa đó trong suốt nhưng qua một thời gian dài dằng dằng nó dần dần trở nên đậm đặc rồi lại đóng thành khối. Quá trình cấu tạo này kéo dài thật lâu, sau cùng thì khối nước đậm đặc đó trở thành một khối đất hần hoi và khối đất đầu tiên ấy chính là đỉnh núi Tu Di, vị trí của cõi Đạo Lợi sau này dựa vào nguyên do như vậy nên người ta đã gọi cõi trời thứ hai của cõi dục giới là

*tāvatiṃsa* (ở đây từ này được tạm dịch là tiên sơ thiên giới).

Cõi Đạo Lợi nằm trên đỉnh núi Tu Di nếu tính đường thẳng từ đây xuống đến phần giữa của núi Tu Di tức kinh đô cõi Tứ Thiên Vương thì là bốn muôn hai ngàn do tuần. Vậy từ đỉnh Tu Di tức Đạo Lợi thiên, cách mọi người đến tám muôn bốn ngàn do tuần. Rồi từ Đạo Lợi cõi Dạ ma, từ cõi Dạ ma lên cõi Đâu Suất, lên cõi Hoá lạc lên cõi Tha Hoá Tự tại đều cách nhau bốn muôn hai ngàn do tuần. Đỉnh núi Tu Di hình tròn rộng khoảng tám muôn bốn ngàn do tuần tương đương với chiều cao của núi. Ngay chính giữa mặt bằng đó là Thành phố *Sudassana*. Rộng mười ngàn do tuần, bốn phía đều có tường thành bao bọc. Mỗi phía tường thành có đến 1.000 cánh cửa. Mặt bằng trên đỉnh núi Tu Di đều được cấu tạo bằng bảy báu. Triền núi hướng đông bằng bạc, triền núi hướng tây bằng pha lê, triền núi hướng nam bằng ngọc bích, triền núi hướng bắc toàn bằng vàng. Như vậy khi đặt chân lên khu vực thiên giới, bàn chân ta không thể dẫm lên chỗ nào là đất cát tầm thường.

Và vì mỗi triền núi của Tu Di sơn được cấu tạo bằng một thứ vật chất khác nhau. Cho nên đại dương, bầu trời, cây cối trong bốn đại châu nằm chung quanh. Núi Tu Di đều chịu ảnh hưởng màu sắc khác nhau.

Như Nam Thiệu Bộ Châu (hành tinh của chúng ta) nằm về hướng nam núi Tu Di, mà vách núi phía nam của Tu Di sơn lại bằng ngọc bích nên biển trời, cây cối ở địa cầu chúng ta đều là màu xanh. Trong không khí Bắc Cựu Lưu

châu thì tất cả cây cối, biển trời đều mang màu vàng kim, vì châu này nằm bên hướng bắc núi Tu Di. Còn ở Đông Thắng Thần Châu, hầu hết mọi thứ thuộc về thiên nhiên đều có màu bạc, vì châu này nằm bên hướng đông của Tu Di sơn, triển núi phía này toàn bằng bạc. Nói về Tây Ngưu Xa Châu thì biển trời, cây cỏ hoa lá ở đây phần lớn đều mang màu pha lê, vì châu này nằm về phía tây núi Tu Di, và triển núi phía này lại toàn bằng pha lê.

Chư Thiên Đạo Lợi được phân ra hai nhóm: nhóm Địa cư (*bhummatthadevatā*) và nhóm không cư (*ākāsatthadevatā*) Đức Đế Thích, 32 vị đại thiên tử dưới quyền và tất cả thiên chúng tùy tùng của họ, cũng như 5 nhóm A-tu-la dưới đáy núi Tu Di đều thuộc nhóm Địa cư thiên. Còn không cư thiên là những vị trời sống trong các toà thiên cung bay lơ lửng trên hoàng hư không giữa đỉnh núi với núi *Cakkavāḷa*. Trong khoảng không gian này còn rất nhiều toà thiên cung không người ở, vì chưa có vị trời nào sinh lên nên chúng vẫn lơ lửng ở đó, để chờ đợi sử dụng.

Ngay chính giữa kinh thành *Sadassana* có một toà lầu đài tên *Vejayanta*, cung điện riêng của Đức Đế Thích. Về phía đông kinh thành là hoa viên *Nandavana* rộng 1000 do tuần trong hoa viên này lại có hai hồ sen, một cái tên *Mahānandā*, và một cái tên *Cūlanandā*. Cả hai đều có bờ hồ đều bằng đá để chư thiên ngồi thưởng ngoạn. Và mỗi bờ hồ cũng được gọi tên theo tên hồ (như bờ đá của hồ *Mahānanadā* thì được gọi là bờ đá *Mahānanadā*). Về phía tây của kinh thành là khu vườn *Citralatā* rộng 500 do tuần, cũng có hai hồ sen, một cái tên *Vitralatā* và một cái tên

*Cūlavicitrā*. Về phía bắc của kinh thành là khu vườn *Missakavana* cũng rộng 500 do tuần, cũng có hai hồ sen, một cái tên *Dhammā*, một cái tên *Sudhammā*. Về phía nam kinh thành lại cũng có một khu vườn tên *Phārasakavana* rộng 700 do tuần, cũng có hai hồ sen. *Bhaddā* và *Subhaddā* cả bốn khu vườn vừa kể đều là chỗ vui chơi du hý của Chư Thiên Đạo Lợi. Về phía đông bắc của kinh thành *Sudassana* có hai khu vườn nữa, một cái tên *Punḍarika* không rõ rộng bao nhiêu, còn một cái tên *Mahāvana* rộng 700 do tuần. Trong vườn *Punḍarika* có một cội cây tên *Pāricchatta* (hay *parijāta*) cao 100 do tuần, cành nhánh của nó xoè ra 50 do tuần. Đến mùa ra hoa, mùi hương của nó toả đi 100 do tuần. Ngay dưới gốc cây *Pāricchatta* có một bàn thạch tên *Paṇḍukambala*, chỗ ngồi của vua trời Đế Thích và bất cứ nhân vật quan trọng nào đến viếng Đạo Lợi<sup>10</sup>. Chiều rộng của bàn thạch này là 50 do tuần, chiều dài là 60 do tuần, còn chiều dày của nó như hoa hồng (*japā*) Bàn thạch *Paṇḍukambala* này đặc biệt ở chỗ là khi có người ngồi lên, tự nhiên nó nhún xuống êm ái như đàn hồi vậy, nếu không có ai ngồi thì vẫn trong hình dạng cũ. Trong vườn *Punḍarika* còn có một thính pháp đường tên *Sudhammā* và một ngôi tháp ngọc bích tên *Cūlamanī* cao 100 do tuần. Trong tháp này có tôn trí chiếc răng nhọn bên phải của Đức Phật và phần tóc mà Ngài đã cắt bỏ khi đi xuất gia. Nói về khu vườn *Mahāvana* thì đây là chỗ nằm nghỉ của thiên vương Đế Thích trong mỗi khi

<sup>10</sup> Khi ngự lên Đạo Lợi thuyết tạng Thắng pháp, bậc Đạo sư đã ngồi trên bàn thạch này

Ngài muốn thư giãn oai nghi cho hoàn toàn thoải mái. Tại khu vườn này có một hồ sen tên *Sunanadā* rộng một do tuần và có tới 1.000 toà thiên cung”

Chư thiên Đạo Lợi toàn là những người có tạo trử ít nhiều công đức đặc biệt từ đời quá khứ nên cuộc sống tại đây chỉ có những thiên lạc thù thắng, và hầu như cái gì ở Đạo Lợi cũng hấp dẫn, khả hỷ cả. Chư thiên nam Đạo Lợi suốt đời luôn luôn có dung sắc như một thanh niên 20 tuổi. Chư thiên nữ Đạo Lợi ở tuổi nào cũng xinh như thiếu nữ 16 tuổi. Trên đây không có tình trạng tóc bạc, da mồi, răng rụng, mắt loà... Thiên nhân cõi Đạo Lợi cũng không bao giờ bị một chứng bệnh hay một biến chứng khó chịu nào của cơ thể, vì vật thực chư thiên chỉ toàn là tịnh phẩm (*saddhābhajana*), ăn vào không có bài tiết nhớp nhúa như ở cõi người trên Đạo Lợi không có việc đại tiện, tiểu tiện. Thiên nữ ở đây không bị bận rộn bởi vấn đề kinh nguyệt hay thai nghén. Nhưng đó là nói về hạng Không Cư Thiên, còn hạng Địa cư Thiên đôi khi cũng có tình trạng kinh nguyệt và thai nghén như nhân loại.

Trên thiên giới Đạo Lợi không có vấn đề ruột rà, máu mù, trong quan hệ tình thân. Nghĩa là khi sanh lên thiên giới, nếu ta xuất hiện trên đui của vị trời nào thì ta được xem như là con của vị trời đó. Đối với các thiên nữ, nếu lúc sanh lên cõi trời, xuất hiện trong phòng ngủ của vị trời nào thì các nàng đương nhiên được xem là vợ của vị trời ấy. Nếu các thiên nữ sanh ra trong phạm vi chung quanh buồng ngủ của vị trời nào thì các nàng phải làm người trang sức sắc đẹp cho vị trời ấy. Nếu hoá sanh, các thiên

nữ xuất hiện ngay trong cung điện của của vị trời nào thì được xem là phải có bốn phận hầu hạ vị trời ấy. Những điều vừa nói trên đã được ghi lại trong *sakkapañhā-suttanta-atthakathā* và *Mūlapaṇṇāsa-atthakathā: Devānaṃ dhītā ca puttā ca anke nibbattanti pādapari-cārikā itthiyo sayane nibbattanti tāsam maṇḍanapasā-dhanakārikā devatā sayanampariyāretvā nibbattanti veyyāvacchakarā antovimāna nibbattanti!*

Nói chung đối với các thiên nhân mới hoá sanh nếu họ hiện ra trong cung điện của vị trời nào thì được xem như thuộc về vị trời ấy hoặc làm con, hoặc vợ hay làm người hầu hạ. Nhưng không phải, sự việc bao giờ cũng đơn giản như vậy, bởi lần nọ có một thiên nhân lúc mới hoá sanh lên Đạo Lợi hiện ra ngay giữa của hai toà cung điện do hai vị trời làm chủ. Cả hai tranh giành nhau, ai cũng nói rằng vị tân thiên nhân đó thuộc về mình. Thế rồi họ đưa nhau đến gặp Đức Đế Thích để nhờ Ngài phân xử. Đức Đế Thích phán rằng:

- Kể từ nay, nếu sự việc tương tự thế này xảy ra lần nữa thì hãy vị tân thiên nhân đưa mắt nhìn về cung điện nào thì xem như thuộc về vị trời trong cung điện đó. Nếu vị tân thiên nhân không nhìn cung điện nào cả thì có nghĩa là vị ấy thuộc về trăm!

Mỗi vị trời có một số lượng tùy chúng khác nhau, có vị chỉ được 500 thiên nhân tùy tùng có vị được 700 tùy tùng, có vị được cả 1000 thiên nhân làm tùy tùng. Như vậy ta thấy rõ ràng là trên thiên giới số Chư Thiên không có cung điện riêng luôn đông đảo hơn số thiên nhân có cung điện



riêng và trênthiên giới vẫn có những cuộc tranh chấp, xung đột giống như ở cõi người.

Giữa Chư thiên nam và Chư thiên nữ vẫn có vấn đề tình cảm như nhân loại. Ta có thể tìm được một trường hợp điển hình về chuyện này qua cuộc tình giữa một thiên tử nhạc công tên *Pañcasikha* với nàng thiên nữ *Suriyavacchasā*, con gái của Thiên tử *Timbaru*. *Pañcasikha* là một nhạc sĩ có tài trên thiên giới, vị này cũng thuộc hàng thiên tử (nhưng thiên nhân có đại uy lực). Ngón sờ trường của vị thiên tử nhạc công này là chơi đàn, cây đàn của *Pañcasikha* tên *Beluva* và dài 3 *gāvuta* (3/4 do tuần). *Pañcasikha* đã đem lòng, yêu thương thiên nữ *Suriyavacchasā*. Ngày nọ, vị này đem đàn đến khảy trước mặt nàng rồi hát.

*“Yaṃ me atthi katam puñnam*

*Arahantesu tādisu*

*Taṃ me sabbāṅgalyāṇi*

*Tayā saddhiṃ vipaccatam!*

“Công đức nào ta đã tạo đối với chư Thánh La Hán, mong sao tất cả công đức ấy hãy nở hoa kết trái cho chúng mình, hồi mỹ nhân toàn hảo”

Nhưng *Suriyavacchasā* không thể đáp lại mối tình đó của *Pañcasika*, vì nàng đã phải lòng một người khác, thiên tử *Sikhaddhi*, con trai của thiên tử *Mātali* (vị đánh xem cho Đức Đế Thích). Về sau, Đức Đế Thích vì thâm cảm công ơn của *Pañcasika* đối với Ngài<sup>11</sup> cũng như xét thấy

<sup>11</sup> Chính thiên tử *Pañcasika* đã đưa Đế Thích xuống gặp bậc Đạo Sư khi Đế Thích sắp mạng chung, vào dịp này... đã chứng được sơ quả

vị này có nhiều thiện tánh đáng quý nên đã cưới thiên nữ *Suriyavacchasā* cho.

Đối với các thiên nữ không có đôi bạn, cho dù có cung điện riêng, cũng không được hạnh phúc bởi thay vì những thiên nữ có đôi bạn thì người ta đưa nhau đi du hí ở các hoa viên, thiên giới, còn các nàng thì cứ thui thủi một mình. Hạnh phúc lứa đôi cũng là một khía cạnh của thiên lạc, mà mỗi vị trời đều có một mức độ hưởng thụ khác nhau tùy theo trữ lượng công đức mà mình đã tu tạo đời trước. Có vị thiếu thiên chúng tùy tùng, có vị lại quá dư, có vị được cung điện to đẹp, có vị chỉ được cung điện loại nhỏ, hoặc thậm chí không có cung điện riêng. Có vị thì nhiều hào quang, toả sáng cả 100 do tuần. Có vị ít hào quang, chỉ toả sáng năm ba do tuần hay ít hơn thế nữa. Như trong *Suttantamahāvagga-atthakathā* có ghi:

*Yā sā sabbadevatānaṃ vatthalaṅkāravimānasarīrānaṃ pabhā dvādasayojanāni pharati mahāpuññānaṃ pana sarīsappabhā yo janasatam pharati!*

Điều quan trọng cần biết là chư thiên trong cõi thấp không thể nhìn thấy chư thiên cõi cao, vì mỗi tầng trời có một thân sắc thô tế khác nhau. Thân sắc chư thiên cõi cao luôn luôn vi tế hơn chư thiên cõi thấp vì vậy chư thiên cõi cao có thể nhìn thấy chư thiên cõi thấp. Và khi nào muốn cho chư thiên cõi thấp thấy được thân tướng của mình, thì chư thiên cõi cao phải tự hoá hiện cho thô thiển hơn. Điều này đã được ghi nhận trong *Suttantamahāvaggatthakathā*:

*Heṭṭhā heṭṭhā hi devatā uparūparidevānaṃ oḷārikāṃ  
katvā māpitameva attabhāvaṃ pasitum sakkonti!*

Việc đó cũng giống như trường hợp loài hoá sanh đối với nhân loại, nhân loại không thể nhìn thấy loài hoá sanh, nếu loài này chưa tự biến thân sắc của mình trở nên thô thiển, trong khi các loài hoá sanh muốn nhìn thấy nhân loại lúc nào cũng được.

Tương truyền rằng, thân thể của Chư thiên Đạo Lợi, chẳng những vi tế mà còn vô cùng thanh tịnh. Cơ thể của họ không có tình trạng bài tiết thải chất uế trược, bởi thức ăn của họ toàn là tịnh phẩm (*suddhabhojana*), nên các vị trời ấy rất gọn cơ thể nhân loại, cho dù đó là cơ thể của vua Chuyển Luân đi nữa; cách xa cả 100 do tuần, các vị trời Đạo Lợi vẫn ngửi được xú khí của xác thân nhân loại và kinh tởm như gặp phải một thứ gì đó hôi thối nhất. Vì vậy trong *suttantamahāvagga-atthakathā* đã có ghi như sau:

*“Divasassa dvikkhattum nahātvā vatthāni tikkhattum  
parivattetvā alaṅkapaṭimaṇḍitānaṃ cakkavatti ādīnampi  
manuddānaṃ gandho yojanasate ṭhitānaṃ devatānaṃ  
kaṅṅhe āsattakuṇapaṃ viya bādhati”*

#### Lược dịch:

Đối với cơ thể nhân loại, kể cả vị Chuyển Luân Vương, dầu có được tắm rửa, thay đồ, trang sức thể nào đi nữa cũng làm cho các vị trời đứng xa cả 100 do tuần cảm thấy kinh tởm như một xác chết hôi thối.

Lại nữa, trên khía cạnh lạc thú vật chất, ở cõi Đạo Lợi luôn thù thắng hơn bất cứ một hạnh phúc khoái lạc nào

của nhân loại. Sự hưởng thụ của các vị đế vương nhân loại không thể so sánh với thiên lạc ở Đạo Lợi. Mà tất cả những thiên lạc ấy đều tập trung tại hoa viên. *Nandavana* (phúc hỷ lâm) và mỗi khi có chuyện gì âu lo buồn phiền thì các thiên nhân Đạo Lợi đều tìm và đây để giải khuây và bao giờ hoa viên *Nandavana* cũng đem lại cho họ một sự thoải mái thật sự đối với những ưu tư đó. Bất cứ một người nào dù chư thiên hay nhân loại, một khi đã được thưởng ngoạn trong hoa viên *Nandavana* thì được xem như người ấy đã thưởng thức trọn vẹn thiên lạc ở cõi Đạo Lợi. Cho nên trong *Sagāthāvaggasamyuttā(samy)* đã ghi bài kệ sau đây, mà xét ra cũng không đến nỗi quá đáng:

#### Đại ý:

Ai chưa thấy được hoa viên *Nandavana* (tức *Nandavana*) trên Đạo Lợi thì kể như người ấy chưa biết được thế nào là thiên lạc đúng nghĩa. Và không phải chỉ ở Đạo Lợi mới có hoa viên *Nandavana*, ở các tầng trời khác cũng đều có một hoa viên hấp dẫn tương đương như vậy và các hoa viên đó cũng mang tên là *Nandavan*. Như trong *Suttantamahā vagga atthakathā* có nói: *“Sabbesu devalokesu hi nandavanaṃ atthiyeva”* bộ *Sāratthadīpanīṭikā* viết rằng: *“.....Taṃ pana dibbarukkhasahassapaṭimaṇḍitaṃ ta-thā nandavanaṃ phārasakavanañca*: Mỗi hoa viên trong số sáu hoa viên ở cõi Đạo Lợi đều có một ngàn cội thiên thụ (linh thọ) kể cả hai hoa viên *Nandavana* và *Phārusaka*”

Trong vườn *Citralatā* có một dây nho tên *āsavatī*, một ngàn năm Đạo Lợi (tức khoảng 36 triệu năm nhân loại)

mới ra trái một lần chất nước trong giồng nho này chính là loại thiên tửu mà Chư Thiên Đạo Lợi vẫn thường ưa chuộng. Mỗi lần uống rượu này vào, các vị trời phải say lúy túy trong cả bốn tháng vì rượu có chất men kích thích cực mạnh, nhưng dĩ nhiên rất ngon. Trong chánh tạng (*jātaka* và *apadāna*) có giải về giồng nho trên như sau:

1. *Āsāvāṭī nāma latā*  
 2. *Jātā cittalatāvane*  
 3. *Tassā vassasahassena*  
 4. *Ekam nibbattate phalam*

(Theo các Ngài giải thích thì câu “*Ekam nibbattate phalam*” trên đây có nghĩa là “ra trái một lần” chứ không phải là “chỉ ra một trái”.